TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quân và ông Nguyễn Đình Tuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-HN&GĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Chị Lò Thị S**; sinh năm: 1997; địa chỉ: Bản X, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn Th**; sinh năm: 1996; địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Bị đơn vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/02/2017. Hai anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, không biết lắng nghe, chia sẻ với nhau. Đến đầu tháng 12 năm 2017, chị S và anh T không còn chung sống. Đến nay chị S không còn tình cảm với anh Lò Văn T nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Lò Văn T .

Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung, cháu tên là Lò Quốc Đ ; sinh ngày 29/12/2017. Khi ly hôn chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò

Quốc Đ cho đến khi cháu 18 tuổi, thu nhập trung bình hằng tháng của chị S là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) và chị S cũng có chỗ ở ổn định. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Lò Văn T trình bày*:**

Về hôn nhân: anh T nhất trí về phần kết hôn như chị Lò Thị S trình bày. Hai anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Hai anh chị đã có thời gian sống hạnh phúc được 09 tháng, nhưng sau đó mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Anh T và chị Sươi đã sống ly thân từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Từ lúc sinh con xong) đến nay. Trong thời gian sống ly thân, thỉnh thoảng có gọi điện thoại liên lạc với chị S để hỏi thăm nhưng không liên lạc được. Anh T cũng đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị S nhưng không gặp chị S, lúc gặp được chị S động viên quay về đoàn tụ thì chị S không quay về. Đến nay chị S xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai anh chị có 01 con chung, cháu tên là Lò Quốc Đ; sinh ngày 29/12/2017. Hiện tại cháu đang ở với chị S ở bản X, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Sau khi ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành và đủ khả năng lao động. Thu nhập trung bình hằng tháng của anh T là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và anh T cũng có chỗ ở ổn định; anh T không đề nghị chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý: Về thủ tục tố tụng: Đã thực hiện theo quy định của tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Lò Thị S và anh Lò Văn T. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị về nội dung vụ án như sau: Về hôn nhân: Xét thấy chị Lò Thị S đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm đến anh T, giữa hai anh chị đã sống ly thân thời gian khá dài; do đó thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc không còn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S. Về con chung: Đề nghị giao cháu Lò Quốc Đ, sinh ngày 29/12/2017 cho chị Lò Thị S nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị Lò Thị S với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị S nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn T có nơi cư trú tại bản bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện xác minh theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh T; do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T kết hôn với nhau ngày 08/02/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị S và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đinh năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Lò Thị S vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T, nên vào tháng 12/2017 chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống từ đó cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, anh T có trình bày đến đón chị S về để đoàn tụ nhưng chị S không quay về. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai anh chị quay về đoàn tụ và tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử đã động viên chị S xem xét lại tình cảm để quay về đoàn tụ với anh T. Tuy nhiên, chị S cho rằng, thời gian sống ly thân đã lâu, chị không còn tình cảm với anh T, chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S, cho chị Lò Thị S ly hôn với anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Đối với việc nhận trực tiếp nuôi con chung của chị S; anh T và tính đến thời điểm hiện tại cháu Đ mới dược 15 tháng tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh cháu Quốc Đ, chị S vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ. Đồng thời do tuổi cháu Đ còn quá nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để cháu Đ có thể phát triển đầy đủ về cả thể chất, trí tuệ và tinh thần. Do vậy cần giao cháu Lò Quốc Đ; sinh ngày 29/12/2017 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đ; việc giao nuôi con chung này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định cụ thể:

"…3. *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*."

Do quá trình hòa giải chị S và anh T không thỏa thuận được việc giao nuôi con chung, đồng thời tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lò Thị S.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị đều thống nhất không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị S đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn T.

3. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Quốc Đ; sinh ngày 29/12/2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị S được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/4/2019); anh Lò Văn T có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Mường Thín;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga